

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 07/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hòa Bình;
2. Ông Nguyễn Văn Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh ngày 20/5/1984 tại Q, Bình Định; nơi cư trú: Tổ BH, KV B, phường N, thành phố Q, Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Hà Thị K; vợ Võ Thị Như N, sinh năm 1992; có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 22/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/4/1981 tại Q, Bình Định; nơi cư trú: Thôn T phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: (Không có) mẹ Nguyễn Thị H (đã chết); vợ Lê Thị Thu T, sinh năm 1984; có 03 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 22/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Phan Văn H, sinh ngày 02/10/1988 tại Q, Bình Định; nơi cư trú: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị L; vợ Hà Thị Bích H, sinh năm 1991; có 01 người con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 22/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Hàng Văn T sinh ngày 27/12/1977 tại Q, Bình Định; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hàng Văn L (đã chết) và bà Trần Thị K; vợ Phạm Thị K, sinh năm 1980; có 02 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 22/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/01/1981 tại P, Bình Định; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị S; vợ Trần Thị Thu T, sinh năm 1983; có 03 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 22/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

6. Bùi Xuân T, sinh ngày 18/12/1983 tại T, Bình Định; nơi cư trú: Thôn T xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân L và bà Nguyễn Thị Mai L; vợ Bùi Thị H (đã ly hôn); có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 22/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thành K, sinh năm 1983; trú tại: Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1989; trú tại: Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

3. Nguyễn Văn D, sinh năm 1965; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng thì nội dung vụ án như sau: Lúc 12 giờ 30 phút ngày 18 tháng 02 năm 2019, Công an thị xã A bắt quả tang Lê Văn T, Nguyễn Thành Đ, Bùi Xuân T, Phan Văn H, Nguyễn Thanh H và Hàng Văn T đang đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc bầu cua tại nhà ông Nguyễn Văn D, Thôn H, xã T, thị xã A. Thu giữ toàn bộ tang vật gồm: 01 bộ bầu cua tôm cá; 01 tờ giấy kích thước (40x30)cm có hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 03 hột hình vuông có in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 01 đĩa nhôm kích thước 20cm, 01 tô nhôm kích thước 18cm; Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 14.250.000đ. (Trong đó thu tại sòng bạc 250.000đ, thu trên tay các bị cáo 4.980.000đ, thu

trong người các bị cáo 9.020.000đ). Quá trình điều tra xác định: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thành Đ, Bùi Xuân T, Phan Văn H, Nguyễn Thanh H, Hàng Văn T đều là công nhân của Công ty Cổ phần H, trụ sở Lô B1, V, Cụm Công Nghiệp N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và đang thi công lắp máy tại Nhà máy đường A tại Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình làm việc, Công ty thuê nhà ông Nguyễn Văn D ở Thôn H, xã T để cho công nhân lưu trú. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/2/2019, sau khi ăn cơm trưa xong, T rủ Đ, T, H, H, Tr về nhà đang thuê ở, đánh bầu cua ăn tiền, thì cả nhóm đồng ý. T lấy bộ bầu cua gồm 01 đĩa nhôm, 01 tô nhôm, 01 tờ giấy hình chữ nhật và 03 hột giấy hình hộp vuông có 6 mặt in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai (T mua ở chợ A) để ra nền nhà. Các bị cáo quy định hình thức đánh: Con vật bầu, nai, gà gọi là “Rừng”; con vật cua, cá, tôm gọi là “Biển”, mỗi ván đặt tiền từ 10.000đ đến 100.000đ, mỗi người làm cái xóc 10 ván thì chuyển qua người kế tiếp theo chiều kim đồng hồ, ai không cầm cái thì qua lượt, người làm cái bỏ 03 quân bầu, cua, tôm, cá, gà, nai hình hộp vuông vào 01 cái đĩa nhôm, rồi dùng 01 tô nhôm up lên trên, người làm cái xóc rồi đặt đĩa xuống đất để các bị cáo đặt tiền vào tờ giấy hình chữ nhật có in hình các con vật bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; khi người cầm cái mở ra nếu ai đặt tiền có hình 02 con quy định là “Rừng” hoặc “Biển” thì thắng người làm cái và ngược lại không có hoặc có hình 01 con thì làm cái được thắng số tiền các bị cáo khác đặt. Với cách thức như đã quy định, H làm cái đầu tiên, các bị cáo còn lại tham gia đặt tiền sát phạt nhau. Khi tham gia đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể: T 2.250.000đ, H 370.000đ, H 1.000.000đ, T 950.000đ, Đ 450.000đ, T 210.000đ. Quá trình đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang T, T mỗi người thắng số tiền 100.000đ, H thua 200.000đ, H, Đ, T không thua, không thắng. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 5.230.000đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền 9.020.000đ gồm: Lê Văn T 2.650.000đ, Nguyễn Thanh H 2.800.000đ, Hàng Văn T 500.000đ, Phan Văn H 2.000.000đ, Nguyễn Thành Đ 1.000.000đ, Bùi Xuân T 70.000đ, số tiền này các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số 22/CTr-VKS ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T, về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo T, H, H, T, Đ và T, khai nhận đều là công nhân và cùng thuê nhà tại Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai để ở và thi công lắp máy cho Nhà máy đường A. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/2/2019, sau khi ăn cơm trưa xong, T rủ Đ, T, H, H, T về nhà đang thuê ở để đánh bầu cua ăn tiền, thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, cả nhóm cùng sát phạt nhau ăn tiền, thay phiên nhau làm cái và quy ước mỗi lần đặt tiền từ 10.000đ đến 100.000đ. Trong quá trình chơi T dùng số tiền 2.250.000đ; H dùng số tiền 1.000.000đ; T dùng số tiền 950.000đ; Đ dùng số tiền 450.000đ; H dùng số tiền 370.000đ; Tu dùng số tiền 210.000đ, để đánh bạc, sát phạt với nhau. Sau đó, bị Công an thị xã A bắt quả tang thì T, T mỗi người thắng số tiền 100.000đ, H thua 200.000đ, H, Đ, T không thua, không

thắng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.230.000đ (Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Các bị cáo đều thừa nhận, biết hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng anh Nguyễn Thành K khai tại phiên tòa: Anh K cũng là công nhân ở chung nhà thuê và làm cùng Công ty với các bị cáo. Khoảng 12 giờ trưa ngày 18/02/2019 anh K và anh T đi ăn cơm và cùng về nhà trọ để nghỉ thì thấy Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T cùng nhau đánh bầu cua ăn tiền. Sau đó anh K và anh T cùng vào phòng nằm nghỉ trưa thì có Công an thị xã A vào bắt quả tang và có lập biên bản và anh là người chứng kiến sự việc. Công an có thu giữ tang vật là số tiền trên sòng bầu cua là 250.000đ, tiền các bị cáo T, H, H, T, Đ và T đang cầm trên tay dùng để đánh bạc bị thu giữ là 4.980.000đ. Tiền thu trong ví của các bị cáo là 9.020.000đ gồm T 2.650.000đ, H 2.800.000đ, H 2.000.000đ, Đ 1.000.000đ, T 70.000đ, T 500.000đ. Anh K và anh T không tham gia đánh bạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T phạm tội “Đánh bạc”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36, Bộ luật hình sự năm 2015 và không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt cải tạo không giam giữ đối với tất cả các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Thanh H, từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Hàng Văn T và Phan Văn H, từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T, từ 06 tháng đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ. Đề nghị khấu trừ từ 05% đến 20% thu nhập cho tất cả các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước. Đề nghị giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 5.230.000đ. Số tiền 9.020.000đ không phải là tang vật vụ án đề nghị trả lại cho các bị cáo gồm: bị cáo T 2.650.000đ, bị cáo H 2.800.000đ, bị cáo H 2.000.000đ, bị cáo Đ 1.000.000đ, bị cáo T 70.000đ, bị cáo T 500.000đ. Đối với 01 bộ bầu, cua, tôm, cá, gồm 01 giấy kích thước (40x30)cm; 3 hột vuông có hình bộ bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 01 đĩa nhôm đường kính 20cm và 01 tô nhôm đường kính 18cm, không có giá trị đề nghị tịch thu tiêu hủy. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Mặc dù nhận thức được việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/2/2019, tại căn nhà đang thuê ở Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T cùng đánh bạc bằng hình thức chơi bầu, cua, tôm cá, gà, nai và sát phạt nhau được thua bằng tiền và bị Công an thị xã A bắt quả tang vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.230.000đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*). Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo chưa bị kết án lần nào cũng như chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về hình phạt: Vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án khác nhau nên cần xem xét quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo. Xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng trong vụ án này bị cáo Lê Văn T phải chịu trách nhiệm chính, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê và cùng các bị cáo khác tham gia đánh bạc. Vì vậy, bị cáo Lê Văn T phải chịu hình phạt cao hơn đối với các bị cáo khác là phù hợp. Tiếp đến, bị cáo Nguyễn Thanh H đã tham gia tích cực và là người làm cái đầu tiên cho đến khi bị Công an bắt quả tang. Vì vậy, bị cáo H phải chịu hình phạt sau bị cáo T. Đối với các bị cáo Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T khi được bị cáo T rủ rê đã đồng ý dùng tiền để tham gia đánh bạc nên cũng cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với các bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[7] Về vật chứng: Đối với số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.230.000đ cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền 9.020.000đ không phải là tang vật vụ án nên trả lại cho các bị cáo gồm: bị cáo T 2.650.000đ, bị cáo H 2.800.000đ, bị cáo H 2.000.000đ, bị cáo Đ 1.000.000đ, bị cáo T 70.000đ, bị cáo T 500.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành phần hình phạt; Đối với 01 bộ bầu, cua, tôm, cá, gồm 01 giấy kích thước

40x30; 3 hột vuông có hình bộ bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 01 đĩa nhôm đường kính 20cm và 01 tô nhôm đường kính 18cm, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn D là người cho thuê nhà và không ở cùng căn nhà đó, ông D không biết các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền tại căn nhà của ông. Vì vậy, không có cơ sở xử lý đối với ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T, phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt bị cáo cáo Lê Văn T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Văn H cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ

chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Hàng Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hàng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Khấu trừ 05% (Năm phần trăm) thu nhập của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bầu, cua, tôm, cá, gồm 01 giấy kích thước (40x30)cm; 3 hột vuông có hình bộ bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 01 đĩa nhôm đường kính 20cm và 01 tô nhôm đường kính 18cm.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.230.000đ (Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho các bị cáo Lê Văn T số tiền 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Nguyễn Thanh H, số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng); Phan Văn H 2.000.00 (Hai triệu đồng); Nguyễn Thành Đ, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); Bùi Xuân T, số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng), Hàng Văn T, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

(Các vật chứng được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án thị xã A ngày 24/4/2019).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thanh H, Phan Văn H, Hàng Văn T, Nguyễn Thành Đ và Bùi Xuân T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Trung Toàn

